

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH ĐIỆN BIÊN

TCVN ISO 9001:2015

QUY TRÌNH  
KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

MÃ HIỆU : QT.TCCB.01  
LẦN BAN HÀNH : 01  
NGÀY BAN HÀNH : 09/8/2024

	SOẠN THẢO	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Họ và tên	Đỗ Thị Ngân	Hoàng Trung Hưng	Đoàn Trọng Ngôn
Chữ ký			
Chức vụ, chức danh	Chuyên viên	Trưởng phòng TCCB	Phó Cục trưởng

<b>CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH ĐIỆN BIÊN</b>	<b>QUY TRÌNH KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP</b>	Mã hiệu:	QT.TCCB.01
		Ngày ban hành:	09/8/2024
		Lần ban hành:	01
		Trang:	2/7

## **MỤC LỤC**

### **SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

- 1. MỤC ĐÍCH**
- 2. PHẠM VI**
- 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**
- 4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT**
- 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH**
- 6. BIỂU MẪU**
- 7. HỒ SƠ CẦN LƯU**



<b>CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH ĐIỆN BIÊN</b>	<b>QUY TRÌNH KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP</b>	Mã hiệu:	QT.TCCB.01
		Ngày ban hành:	09/8/2024
		Lần ban hành:	01
		Trang:	4/7

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này quy định trình tự, nội dung và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực kê khai tài sản, thu nhập.

## 2. PHẠM VI

Áp dụng cho việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, kê khai bổ sung thuộc thẩm quyền quản lý của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;
- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Thông tư số 09/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc phân cấp quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan thi hành án dân sự.
- Hướng dẫn của Tổng cục Thi hành án dân sự về kê khai tài sản thu nhập gửi kèm theo Công văn số 528/TCTHADS-TCCB ngày 05/02/2024 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc kê khai tài sản, thu nhập.

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

THADS: Thi hành án dân sự;

TCCB: Tổ chức cán bộ;

TSTN: Tài sản, thu nhập

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<b>5.1</b>	<b>Đối tượng thực hiện</b>
	Công chức các cơ quan THADS tỉnh Điện Biên
<b>5.2</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
	Cục THADS tỉnh Điện Biên các Phòng chuyên môn thuộc Cục, Chi cục THADS cấp huyện trực thuộc Cục THADS tỉnh Điện Biên.
<b>5.3</b>	<b>Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kê khai hàng năm: Chấp hành viên; Kế toán viên; những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.</li></ul>

**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**  
**TỈNH ĐIỆN BIÊN**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM .....**  
**(Ngày..... tháng..... năm..... )<sup>(2)</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Chức vụ/chức danh công tác: .....
- Cơ quan/đơn vị công tác: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: .....ngày cấp..... nơi cấp .....

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nghề nghiệp: .....
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp..... nơi cấp .....

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp..... nơi cấp .....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: .....
- Diện tích<sup>(9)</sup>: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: .....
- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: .....

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>.

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: .....

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): .....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .			
---	--	--	--

..... ngày....tháng....năm....  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)*

..... ngày....tháng....năm....  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

## **B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

### **I. GHI CHÚ CHUNG**

(1) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng (kê khai lần đầu hay kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ). Kê khai lần đầu thì không phải kê khai Mục III “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”, không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu này. Người kê khai phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai. Người kê khai phải lập 02 bản kê khai để bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý mình (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công khai bản kê khai). Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai. Sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai.

(2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

### **II. THÔNG TIN CHUNG**

(3) Ghi số căn cước công dân. Nếu chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số chứng minh thư (nhân dân/quân nhân/công an) và ghi rõ ngày cấp và nơi cấp.

(4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

### **III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

(5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(9) Ghi diện tích đất (m<sup>2</sup>) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí

(28) Kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác). Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

#### **IV. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM**

(29) Kê khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập trong kỳ áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi. Nếu không có tăng, giảm tài sản thì ghi rõ là “Không có biến động” ngay sau tên của Mục III.

(30) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(31) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(32) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m<sup>2</sup> ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m<sup>2</sup> tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi như sau:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất 1.1/Đất ở - Bán thửa đất B	- 100m <sup>2</sup>	500 triệu	Giảm do bán
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở - Mua căn hộ tại chung cư C	+ 100 m <sup>2</sup>	3.500 triệu	Mua nhà từ tiền bán thửa đất B
3. Tài sản khác gắn liền với đất			



**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**  
**TỈNH ĐIỆN BIÊN**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG**  
 (Ngày.....tháng.....năm.....) <sup>(1)</sup>

**I. THÔNG TIN CHUNG <sup>(2)</sup>**

**II. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM**

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(3)</sup> /giảm <sup>(4)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất: 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng khác: 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất: 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## MẪU BÁO CÁO

### Kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm ...

#### 1. Việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Công tác truyền thông, quán triệt các quy định về kiểm soát TSTN.
- Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, triển khai thực hiện đã ban hành.

#### 2. Kết quả thực hiện

- Kết quả kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập

TT	NỘI DUNG	ĐV	SỐ LIỆU
<b>I</b>	<b>Kê khai tài sản, thu nhập</b>		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp trong báo cáo này	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu	Người	
4	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập lần đầu	Người	
5	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập hàng năm	Người	
6	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập hàng năm	Người	
7	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung	Người	
8	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập bổ sung	Người	
9	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ	Người	
<b>II</b>	<b>Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập</b>		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp trong báo cáo này	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số bản kê khai đã được công khai	Bản KK	
	Tỷ lệ ...% so với tổng số bản kê khai	%	
4	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết	Bản KK	
	Tỷ lệ ...% so với số bản kê khai đã công khai	%	
5	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp	Bản KK	
	Tỷ lệ ...% so với số bản kê khai đã công khai	%	

- Kết quả khác (nếu có).

#### 3. Đánh giá chung và kiến nghị

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện; giải pháp đề chủ động hoặc đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

(Từ.....đến nay)

Họ và tên công chức:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:

Quê quán:

Đơn vị công tác

Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác:

Khái quát về nhiệm vụ được phân công công tác:.....

**1. Ưu điểm:**

1.1. Chính trị tư tưởng:

1.2. Đạo đức, lối sống:

1.3. Tác phong, lễ lối làm việc:

1.4. Ý thức tổ chức kỷ luật:

1.5. Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao:

(Phải có kết quả đánh giá công chức)

1.6. Thái độ phục vụ nhân dân, doanh nghiệp:

**2. Tồn tại hạn chế:**

**3. Nguyên nhân:**

**4. Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới:**

....., ngày tháng năm .....

**NGƯỜI TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỤC THADS TỈNH ĐIỆN BIÊN  
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CÔNG CHỨC

(Từ.....đến nay)

### I. SƠ LƯỢC VỀ LỊCH SỬ CÔNG CHỨC

- Họ và tên công chức:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:                      Giới tính:
- Quê quán:
- Trình độ chuyên môn:
- Đơn vị công tác
- Quá trình công tác:

### II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

#### 1. Ưu điểm:

- 1.1. Chính trị tư tưởng:
- 1.2. Đạo đức, lối sống:
- 1.3. Tác phong, lề lối làm việc:
- 1.4. Ý thức tổ chức kỷ luật:
- 1.5. Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao:  
(Phải có kết quả đánh giá công chức)
- 1.6. Thái độ phục vụ nhân dân, doanh nghiệp:

#### 2. Tồn tại hạn chế:

#### 3. Nguyên nhân:

### II. KẾT LUẬN

- Về đảm bảo tiêu chuẩn theo tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch đề nghị bổ nhiệm.
- Khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

TM. TẬP THỂ LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ  
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(Ký tên, đóng dấu)